

Lần đầu: *A* / *A* / 2015

PM Code 

Số lô SX Lot #: _____
NSX Mfg _____
HD Exp _____



ATUSSIN[®]
COUGH SYRUP

For Contraindications and other information, please refer to package insert.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
STORE IN A DRY PLACE. AT TEMPERATURES
NOT EXCEEDING 30°C. PROTECT FROM LIGHT.**

Chống chỉ định và các thông tin khác, xin
xem tài liệu hướng dẫn sử dụng.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ YA TÂM TAY THẾ ER
BẢO QUẢN NƠI KHÔ, NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ
30°C, TRÁNH ÁNH SÁNG

8936022470045

QC: 7.3 X 4.5 CM

[illegible]

THUỐC TRỊ HO

**KEEP OUT OF REACH
OF CHILDREN**

PM Code



ATUSSIN
SIRO HO

THÀNH PHẦN	
Mỗi 5 mL (1 muỗng cà phê) chứa	
Dextromethorphan HBr	5 mg
Chlorpheniramine Maleate	1.33 mg
Sodium Citrate Dihydrate	133 mg
Ammonium Chloride	50 mg
Glycerol, Guaiacolsin	50 mg
12. sucrose	
Vol. 41.5 mL	

CHỈ ĐẠO

[illegible]

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Uống mỗi 6 đến 8 giờ hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.
 2 - 6 tuổi 5 mL (1 muỗng cà phê)
 7 - 12 tuổi 10 mL (2 muỗng cà phê)
 Ngập cơn sốt về đêm nên 12 tuổi 15 mL (3 muỗng cà phê)
 Trẻ nhỏ dưới 2 tuổi: Nên ý kiến bác sĩ hoặc nhà
 thuốc.

Chống chỉ định và các thông tin khác xin
xem tờ hướng dẫn sử dụng.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TÂM TÀI KHÓ
BẢO QUẢN NƠI KHÖ, NHÌT ĐỘ KHÔNG QUÁ
30°C. TRẦN ANH SÁNG

R_x Thuốc bán theo đơn

ATUSSIN[®]

SIRÔ

THUỐC TRỊ HO

THÀNH PHẦN

Mỗi 5 mL (1 muỗng cà phê) chứa:

Dextromethorphan HBr	5 mg
Chlorpheniramine Maleate	1.33 mg
Sodium Citrate Dihydrate	133 mg
Ammonium Chloride	50 mg
Glyceryl Guaiacolate	50 mg

Tá dược: Sucrose, Natri Benzoat, Natri Metabisulfít, Acid Citric khan, Natri Saccharin, Màu đỏ D&C Red No.33 82-92%, Hương sô ri nhân tạo 2:1 WL-515, Nước tinh khiết.

DƯỢC LỰC HỌC

Dextromethorphan HBr

Dextromethorphan HBr là thuốc giảm ho có tác dụng lên trung tâm ho ở hành não. Dextromethorphan có hiệu quả nhất trong điều trị ho mạn tính, ho không có đám. Với liều điều trị, tác dụng chống ho của thuốc kéo dài được 5 - 6 giờ.

Chlorpheniramine Maleate

Chlorpheniramine là một kháng histamine có rất ít tác dụng an thần. Như hầu hết các kháng histamin khác, Chlorpheniramine cũng có tác dụng phụ chống tiết acetylcholine, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể. Tác dụng kháng histamine của Chlorpheniramine thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H₁ của các tế bào tác động.

Các chất long đàm

Sodium Citrate có tính chất giữ ẩm và có vai trò trong việc duy trì pH.

Glyceryl Guaiacolate làm long đàm bằng cách giảm tính nhớt của đàm nhầy.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Dextromethorphan HBr

Dextromethorphan được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và có tác dụng trong vòng 15 - 30 phút sau khi uống, kéo dài 6 - 8 giờ. Thuốc được chuyển hóa ở gan và bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi và các chất chuyển hóa demethyl, trong số đó có dextrophan cũng có tác dụng giảm ho nhẹ.

Chlorpheniramine Maleate

Chlorpheniramine Maleate hấp thu tốt khi uống và xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 - 60 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 đến 6 giờ sau khi uống. Khả dụng sinh học thấp, đạt 25 - 50%. Khoảng 70% thuốc trong tuần hoàn liên kết với protein. Thể tích phân bố khoảng 3.5 lít/kg (người lớn) và 7 - 10 lít/kg (trẻ em). Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Chỉ một lượng nhỏ được thấy trong phân. Thời gian bán thải là 12 - 15 giờ.

Các chất long đàm

Sodium Citrate được hấp thu và chuyển hóa thành Sodium Bicarbonate.

Glyceryl Guaiacolate được hấp thu qua đường tiêu hóa. Nó được chuyển hóa và bài tiết trong nước tiểu.

CHỈ ĐỊNH

Làm giảm các triệu chứng ho do cảm lạnh, cúm, lao, viêm phế quản, ho gà, sởi, viêm phổi, viêm phổi - phế quản, viêm họng, viêm thanh quản, viêm khí quản, viêm khí phế quản, màng phổi bị kích ứng, hít phải chất kích ứng, khởi thuốc lá và ho có nguồn gốc tâm sinh.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Uống mỗi 6 đến 8 giờ hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc

2 - 6 tuổi	5 mL (1 muỗng cà phê)
7 - 12 tuổi	10 mL (2 muỗng cà phê)

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi..... 15 mL (3 muỗng cà phê)

Trẻ nhỏ dưới 2 tuổi: hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân nhạy cảm với các thành phần của thuốc hoặc đang dùng các chất ức chế monoamine oxidase

Bệnh nhân đang bị cơn hen cấp, glaucom góc hẹp, loét dạ dày chít, tắc môn vị-tá tràng, và ứ nước tiểu do rối loạn niệu đạo - tuyến tiền liệt.

THẬN TRỌNG

Thận trọng khi dùng ATUSSIN[®] cho bệnh nhân bị ho có quá nhiều đám, ho mạn tính ở người hút thuốc, hen, tràn khí phổi, suy giảm hô hấp.

Dùng Dextromethorphan có liên quan đến giải phóng histamin và nên thận trọng với trẻ em bị dị ứng. Lạm dụng và phụ thuộc Dextromethorphan, có thể xảy ra (tuy hiếm), đặc biệt do dùng liều cao kéo dài.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc: không nên điều khiển xe, máy móc, hoặc các phương tiện vận chuyển khác khi dùng thuốc do thuốc có thể làm buồn ngủ, mất nhanh nhẹn.

Phụ nữ có thai: hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng

Phụ nữ cho con bú: Phụ nữ đang cho con bú không nên dùng ATUSSIN[®].

TÁC DỤNG PHỤ

Mệt mỏi, chóng mặt, nhức đầu, nhịp tim nhanh, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, đỏ bừng, nổi mẩn ngứa, ngứa gãi, an thần, khô miệng.

Xin thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng quá liều của Dextromethorphan bao gồm buồn nôn, nôn, nhìn mờ, rung giật nhãn cầu, bí tiểu, ảo giác, suy hô hấp, co giật. Điều trị: hỗ trợ, dùng naloxone 2 mg tiêm tĩnh mạch, cho dùng nhắc lại tới tổng liều 10 mg nếu cần.

Triệu chứng quá liều của Chlorpheniramine bao gồm buồn ngủ, kích thích thần kinh trung ương, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholine, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ; rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng sirô ipecacuanha; sau đó cho dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu. Trong trường hợp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Diazepam hoặc phenytoin tiêm tĩnh mạch có thể hữu ích để điều trị co giật. Có thể truyền máu trong những ca nặng.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Các chất ức chế monoamine oxidase (MAO) và các thuốc chống trầm cảm 3 vòng có thể làm kéo dài, tăng tác dụng anticholinergic và tác dụng an thần của các thuốc kháng histamin.

TRÌNH BÀY

Hộp 1 chai 30 mL, hộp 1 chai 60 mL.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**THUỐC NÀY CHỈ SỬ DỤNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ**

Sản xuất tại

CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP

Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Khu Liên Hợp Công Nghiệp - Dịch Vụ - Đô Thị Bình Dương,
Phường Hoà Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 08-39621000

*Đăng ký nhãn hiệu: Westmont Pharmaceutical, Inc.



TU QU CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu Thủy

